TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG Số: 03/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc *Đ, ngày 27 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà **Cà H**. Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Đ**. Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Cà H và ông Nguyễn Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn A sinh ngày 07/7/2006 cho ông Nguyễn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Giao con chung là cháu Nguyễn B sinh ngày 25/01/2013 cho bà Cà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đ và bà Cà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; Thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

2.2. *Về tài sản chung:* Bà Cà H được chia ½ giá trị tài sản là 300.000.000 đồng, ông Nguyễn Đ được chia ½ giá trị tài sản là 300.000.000 đồng. Ông Nguyễn Đ được quản lý, sử dụng lô đất với diện tích 607m^2 thuộc thửa đất 248, tờ bản đồ số 22 xã R, tọa lạc tại thôn 1, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Cà H số tiền 300.000.000 đồng (tương đương ½ giá trị lô đất) và 70.000.000 đồng tiền mặt. Tổng cộng 370.000.000 đồng.

2.3. *Về chi phí tố tụng*: Với tổng số tiền 4.327.000 đồng, bà H đã tạm ứng và Tòa án đã thanh quyết toán xong. Bà H nhận chịu 2.327.000 đồng chi phí tố tụng, ông Đ nhận chịu 2.000.000 đồng chi phí tố tụng. Ông Nguyễn Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Cà H số tiền 2.000.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền ông Nguyễn Đ phải thanh toán cho bà Cà H số tiền 372.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.4 *Về án phí*: Bà Cà H phải nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được chia và 375.000 đồng án phí trả nợ chung. Tổng cộng là 8.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí bà Cà H đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0010146 ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà Cà H 1.975.000 đồng tạm ứng án phí còn dư.

Ông Nguyễn Đ phải nộp 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tài sản được chia và 1.800.000 đồng án phí đối với số tiền thanh toán cho bà H. Tổng cộng ông Nguyễn Đ phải nộp 9.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND H. Đ;
- CC THADS H. Đ;
- UBND xã P, H. L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thúy Phượng